|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA BỘ, NGÀNH
VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chỉ tiêu thống kê quốc gia của Tổng cục Thống kê và 18/21 Bộ, ngành, trong đó:

- Bộ, ngành đề nghị giữ nguyên chỉ tiêu: 06

- Bộ, ngành để nghị sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu: 12

Dưới đây là bảng tổng hợp chi tiết nội dung góp ý sửa đổi, bổ sung hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

**I. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN SỬA ĐỔI CHỈ TIÊU**

| **TT** | **Mã số - tên chỉ tiêu** | **Nội dung sửa đổi** | **Bộ, ngành góp ý** | **Tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 0111 - Số cuộc kết hôn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu | Bỏ phân tổ "thành thị/nông thôn" | Bộ Tư pháp | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 2 | 0203 - Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo | Sửa tên chỉ tiêu như sau: “Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ từ 3 tháng trở lên” | Tổng cục Thống kê | Nhất trí sửa tên chỉ tiêu vì thực tế hiện nay, chỉ tiêu này đang được thay thế bằng chỉ tiêu “Lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ từ 3 tháng trở lên” |
| 3 | 0601 - Thu và cơ cấu thu ngân sách nhà nước | Sửa tên chỉ tiêu như sau: “Thu ngân sách nhà nước và cơ cấu thu” | Bộ Tài chính | Nhất trí và đã sửa tên trong danh mục chỉ tiêu |
| Bỏ phân tổ "Sắc thuế" đối với kỳ báo cáo tháng, quý | Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Tài chính để thống nhất nội dung này |
| Bỏ phân tổ “Ngành kinh tế” | Giữ nguyên phân tổ“ngành kinh tế” để phục vụ việc tính Tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo ngành kinh tế |
| Sửa phân tổ "Loại hình kinh tế" thành "Lĩnh vực thu" (gồm các lĩnh vực thu chính: Thu nội địa, thu từ dầu thô, thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu viện trợ và chi tết các khoản thuKỳ báo cáo: Tháng, quý, năm | Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Tài chính để thống nhất nội dung này |
| Bỏ phân tổ “Bộ, ngành” |
| Bỏ phân tổ "Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương" |
| 4 | 0604 - Chi và cơ cấu chi ngân sách nhà nước | Sửa tên chỉ tiêu như sau: “Chi ngân sách nhà nước và cơ cấu chi” | Bộ Tài chính | Nhất trí và đã sửa tên trong danh mục chỉ tiêu |
| Bỏ phân tổ "Mục lục ngân sách" | Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Tài chính để thống nhất nội dung này |
| Bỏ phân tổ “Ngành kinh tế” | Giữ nguyên phân tổ “ngành kinh tế” để phục vụ việc tính GDP theo ngành kinh tế |
| Sửa phân tổ "Chức năng" thành "Lĩnh vực chi" (gồm các khoản chi chủ yếu: Chi đầu tư phát triển, chi trả nợ lãi, chi thường xuyên, chi viện trợ)Kỳ báo cáo: Tháng, quý, năm | Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Tài chính để thống nhất nội dung này |
| Phân tổ "Bộ/ngành": Bỏ kỳ công bố "quý", giữ lại kỳ công bố "năm" |
| Bỏ phân tổ "Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương" |
| 5 | 0606 - Bội chi ngân sách nhà nước | Phân tổ theo bội chi ngân sách Trung ương và bội chi ngân sách địa phươngKỳ báo cáo: Năm | Bộ Tài chính | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 6 | 0703 - Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng | Bỏ phân tổ "Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương" | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 7 | 0704 - Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng | Bỏ phân tổ "Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương" | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 8 | 0709 - Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam và Việt Nam ra nước ngoài | Bỏ chỉ tiêu | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Nhất trí và đã bỏ khỏi danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia |
| 9 | 0710 - Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của Đồng Việt Nam (VND) với Đô la Mỹ (USD) | Sửa tên chỉ tiêu như sau: "Tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam so với đồng Đô la Mỹ" | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Nhất trí và đã sửa tên trong danh mục chỉ tiêu |
| 10 | 0909 - Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp | Bổ sung các phân tổ: Loại hình kinh tế, ngành kinh tế | Bộ Công Thương | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 11 | 1004 - Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại | Bổ sung thu thập chỉ tiêu trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia | Bộ Công Thương | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 12 | 1005 -Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá | Sửa phân tổ: Loại hình kinh tế; Khu vực kinh tế trong nước và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài | Bộ Tài chính | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Bỏ phân tổ "Ngành kinh tế" | Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Tài chính để thống nhất nội dung này |
| Bỏ phân tổ "Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương" | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Đối với giá trị nhập khẩu hàng hoá: Sửa phân tổ “nước/vùng lãnh thổ cuối cùng hàng đến” thành “nước/vùng lãnh thổ hàng xuất xứ” | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 13 | 1006 - Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu | Đối với mặt hàng nhập khẩu: Sửa phân tổ “nước/vùng lãnh thổ cuối cùng hàng đến” thành “nước/vùng lãnh thổ hàng xuất xứ” | Bộ Tài chính | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 14 | 1011 - Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa | Bỏ phân tổ “nhóm hàng hoá” | Tổng cục Thống kê | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 15 | 1012 - Tỷ trọng giá trị xuất khẩu khoáng sản trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá | Bỏ phân tổ theo nhóm khoáng sản | Tổng cục Thống kê | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 16 | 1106 - Chỉ số giá xây dựng | Đề nghị Tổng cục Thống kê nghiên cứu về thời điểm cung cấp số liệu cho từng quý tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập số liệu tính toán chỉ tiêu. Bên cạnh đó có chính sách hỗ trợ trao đổi thông tin về giá cả thị trường xây dựng đến tất cả các tỉnh/thành phố trong cả nước | Bộ Xây dựng | Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Xây dựng để thống nhất nội dung này |
| 17 | 1107 - Chỉ số giá bất động sản | Sửa phương pháp tính và phân tổ cho phù hợp với quốc tế | Tổng cục Thống kê | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Bổ sung nguồn dữ liệu lớn (bigdata) |
| 18 | 1108 - Chỉ số giá tiền lương | Sửa giải thích chỉ tiêu và phương pháp tính | Tổng cục Thống kê | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Bổ sung phân tổ chủ yếu cho phù hợp với quốc tế |
| Sửa cơ quan chủ trì là Tổng cục Thống kê và cơ quan phối hợp là Bộ Tài chính |
| 19 | 1205 - Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng thủy nội địa | Sửa tên chỉ tiêu như sau: "Số lượng, năng lực khai thác hiện có và mới tăng của cảng hàng không | Bộ Giao thông vận tải | Nhất trí và đã sửa tên trong danh mục chỉ tiêu |
| 20 | 1301 - Doanh thu bưu chính, chuyển phát | Sửa tên chỉ tiêu như sau: “Doanh thu bưu chính” | Bộ Thông tin và Truyền thông | Nhất trí và đã sửa tên trong danh mục chỉ tiêu |
| Sửa khái niệm, phương pháp tính như sau: Doanh thu dịch vụ bưu chính là tổng số tiền đã và sẽ thu về do việc cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát trong nước và quốc tế cho khách hàng của các đơn vị trong một thời kỳ nhất định | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Sửa kỳ công bố: "6 tháng/năm” thành "quý/năm" |
| 21 | 1302 - Sản lượng bưu chính, chuyển phát | Sửa tên chỉ tiêu như sau: “Sản lượng bưu chính” | Bộ Thông tin và Truyền thông | Nhất trí và đã sửa tên trong danh mục chỉ tiêu |
| Sửa khái niệm, phương pháp tính như sau: “Sản lượng bưu chính gồm sản lượng dịch vụ thư và dịch vụ kiện, gói hàng hóa do các đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính thực hiện trong một thời kỳ nhất định” | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Sửa kỳ công bố: "6 tháng/năm" thành "quý/năm" |
| 22 | 1303 - Doanh thu viễn thông | Sửa khái niệm, phương pháp tính như sau: "Doanh thu viễn thông bao gồm doanh thu hàng hóa viễn thông chuyên dùng và doanh thu dịch vụ viễn thông" | Bộ Thông tin và Truyền thông | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 23 | 1304 - Số lượng thuê bao điện thoại | Sửa khái niệm, phương pháp tính như sau: “Số lượng thuê bao điện thoại là số thuê bao điện thoại cố định đang hòa mạng và số lượng thuê bao điện thoại di động phát sinh lưu lượng thoại, tin nhắn, dữ liệu đang hoạt động hai chiều và thuê bao bị khóa một chiều tính đến thời điểm cuối kỳ báo cáo” | Bộ Thông tin và Truyền thông | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Bỏ kỳ công bố theo “quý” |
| 24 | 1305 - Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động | Bổ sung phân tổ:- Giới tính- Loại điện thoại: Thông minh/thường | Bộ Thông tin và Truyền thông | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Bổ sung nguồn số liệu "Chia sẻ dữ liệu" | Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông để thống nhất nội dung này |
| Sửa cơ quan thực hiện như sau:- Cơ quan chủ trì: Tổng cục Thống kê- Cơ quan phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 25 | 1306 - Tỷ lệ người sử dụng Internet | Bổ sung nội dung giải thích về người sử dụng Internet | Bộ Thông tin và Truyền thông | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Bổ sung phân tổ theo giới tính |
| Bổ sung nguồn số liệu “chia sẻ dữ liệu” | Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông để thống nhất nội dung này |
| Sửa cơ quan thực hiện như sau:- Cơ quan chủ trì: Tổng cục Thống kê - Cơ quan phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 26 | 1307 - Số lượng thuê bao truy nhập Internet | Sửa tên chỉ tiêu như sau: “Số lượng thuê bao truy nhập Internet băng rộng” | Bộ Thông tin và Truyền thông | Nhất trí và đã sửa tên trong danh mục chỉ tiêu |
| Sửa khái niệm, phương pháp tính như sau: “Số lượng thuê bao truy nhập Internet băng rộng gồm số thuê bao truy nhập Internet băng rộng cố định và số thuê bao truy nhập Internet băng rộng di động” | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Sửa kỳ công bố:- Tháng, năm: Đối với phân tổ “phương thức kết nối”+ Năm: Đối với phân tổ “Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương” |
| 27 | 1308 - Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet | Bổ sung khái niệm hộ gia đình có kết nối Internet: “Là hộ gia đình có truy nhập Internet để đọc tin tức, tìm kiếm thông tin, tham gia mạng xã hội, mua sắm trực tuyến, sử dụng dịch vụ hành chính công trực tuyến,... thông qua máy tính, điện thoại di động, máy tính bảng, tivi kỹ thuật số,…. có thể truy nhập thông qua mạng băng rộng di động hoặc cố định | Bộ Thông tin và Truyền thông | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Bổ sung nguồn số liệu: "chia sẻ dữ liệu" | Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông để thống nhất nội dung này |
| Sửa cơ quan thực hiện như sau:- Cơ quan chủ trì: Tổng cục Thống kê- Cơ quan phối hợp" Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 28 | 1310 - Dung lượng kết nối Internet quốc tế bình quân một trăm dân | Sửa tên gọi như sau: “Dung lượng băng thông quốc tế” | Bộ Thông tin và Truyền thông | Nhất trí và đã sửa tên trong danh mục chỉ tiêu |
| Sửa khái niệm, phương pháp tính như sau: “Dung lượng băng thông Internet quốc tế là tổng dung lượng các đường truyền kết nối Internet quốc tế của các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ truy nhập Internet tại Việt Nam" | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Sửa đơn vị tính: “Kbps/100 dân” thành "Gbps" |
| Sửa kỳ công bố "năm" thành “quý" |
| 29 | 1311 - Doanh thu công nghệ thông tin | Sửa tên chỉ tiêu thành “Doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin” | Bộ Thông tin và Truyền thông | Nhất trí và đã sửa tên trong danh mục chỉ tiêu |
| Sửa khái niệm doanh thu công nghệ thông tin như sau: Là tổng doanh thu phát sinh từ các doanh nghiệp có mã ngành kinh doanh chính thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin theo Luật Công nghệ thông tin bao gồm: Công nghiệp phần cứng, điện tử, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin. | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Sửa đơn vị tính: "Triệu đồng" thành "Tỷ đồng" |
| Bổ sung phân tổ chủ yếu: Theo Nhóm lĩnh vực hoạt động (sản xuất sản phẩm phần cứng, điện tử/sản xuất phần mềm/sản xuất nội dung số/cung cấp dịch vụ CNTT) |
| Sửa kỳ công bố “Năm” thành “Quý/Năm” |
| Bổ sung nguồn số liệu "chia sẻ dữ liệu" | Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông để thống nhất nội dung này |
| 30 | 1404 - Số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ | Bỏ nguồn số liệu “Điều tra nghiên cứu khọc và phát triển công nghệ” | Bộ Khoa học và Công nghệ | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 31 | 1405 - Chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị | Bỏ chỉ tiêu | Bộ Khoa học và Công nghệ | Nhất trí và đã bỏ khỏi danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia |
| 32 | 1501 - Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên | Bỏ nguồn số liệu "Điều tra các cơ sở giáo dục ngoài công lập" | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 33 | 1502 - Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học | Bỏ nguồn số liệu "Điều tra các cơ sở giáo dục ngoài công lập" | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 34 | 1503 - Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông | Bỏ nguồn số liệu "Điều tra các cơ sở giáo dục ngoài công lập" | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Bổ sung nguồn số liệu "Tổng điều tra dân số và nhà ở; điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ" (điều tra, dự báo dân số trong độ tuổi đi học) | Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Giáo dục và Đào tạo để thống nhất nội dung này |
| 35 | 1601 - Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân | Đề nghị lồng ghép nội dung vào các cuộc tổng điều tra của Tổng cục thống kê (thực hiện Điều tra cơ sở và nhân lực y tế ngoài công lập theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg của Chính phủ) | Bộ Y tế | Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Y tế để thống nhất nội dung này |
| 36 | 1608 - Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên một trăm nghìn dân | Đề nghị được phối hợp với Tổng cục Thống kê lồng ghép thu thập tại các cuộc điều tra liên quan do Tổng cục Thống kê chủ trì | Bộ Y tế | Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Y tế để thống nhất nội dung này |
| 37 | 1801 - Chỉ số phát triển con người (HDI) | Bổ sung phân tổ: Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Tổng cục Thống kê | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| Bỏ nguồn số liệu: Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam |
| 38 | 1905 - Số vụ, số người phạm tội đã bị kết án | Sửa tên chỉ tiêu như sau: "Số vụ, số người phạm tội đã được xét xử sơ thẩm" | Tòa án nhân dân tối cao | Nhất trí và đã sửa tên trong danh mục chỉ tiêu |
| Sửa phân tổ “Số bị cáo phân tổ thêm giới tính, nhóm tuổi” thành “Số bị cáo theo chương phân tổ thêm giới tính, nhóm tuổi” | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 39 | 1907 - Số lượt người được trợ giúp pháp lý | Sửa tên chỉ tiêu thành "Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý" | Bộ Tư pháp | Nhất trí và đã sửa tên trong danh mục chỉ tiêu |
| Sửa tên phân tổ "Đối tượng được trợ giúp pháp lý" thành "Đối tượng đã được trợ giúp pháp lý" | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |
| 40 | 1908 - Kết quả thi hành án dân sự | Không thu thập số liệu theo phân tổ "cơ quan thi hành án" | Bộ Tư pháp | Nhất trí và sẽ bỏ phân tổ"cơ quan thi hành án"trong nội dung chỉ tiêu |
| 41 | 2007 - Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý | Bỏ phân tổ "Trạng thái tồn tại của chất thải nguy hại rắn/lỏng/khí" | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Nhất trí và sẽ sửa trong nội dung chỉ tiêu |

**II. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN BỔ SUNG CHỈ TIÊU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bộ, ngành góp ý** | **Chỉ tiêu bổ sung** | **Tiếp thu, giải trình** |
| 1 | Tổng cục Thống kê | Chỉ tiêu phản ánh xu hướng phát triển về kinh tế - xã hội trong thời gian tới liên quan đến: Môi trường, thảm họa môi trường, biến đổi khí hậu; dịch bệnh; giới, bình đẳng giới và các nhóm yếu thế trong xã hội; tăng trưởng xanh, phát triển bền vững; cách mạng công nghiệp lần thứ tư và ứng dụng khoa học công nghệ; công nghiệp hoá; đô thị hoá; phát triển khu vực tư nhân; khoảng cách về phát triển xã hội giữa các vùng miền,… | Nhất trí bổ sung chỉ tiêu. Đề nghị Tổng cục Thống kê nghiên cứu đề xuất tên và nội dung cụ thể của chỉ tiêu |
| 2 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Chỉ tiêu phản ánh đất lâm nghiệp (đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng); loại đất (đất có rừng tự nhiên, đất có rừng trồng và đất đang được sử dụng để phát triển rừng) | Không nhất trí. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê năm 2015 có chỉ tiêu “2001- Diện tích rừng hiện có”. Chỉ tiêu này đã bao gồm các nội dung theo đề xuất của Bộ Tài Nguyên và Môi trường |
| 3 | Bộ Giao thông vận tải | Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng biển | Nhất trí bổ sung chỉ tiêu. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu đề xuất nội dung cụ thể của chỉ tiêu |
| Chiều dài đường sắt hiện có và năng lực tăng thêm |
| 4 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính | Nhất trí bổ sung chỉ tiêu. Tổng cục Thống kê sẽ làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông để thảo luận, thống nhất về nội dung và việc thực hiện những chỉ tiêu được đề xuất |
| Tỷ lệ người sở hữu điện thoại di động |
| Tỷ lệ dân số được phủ sóng bới mạng di động |
| Lưu lượng Internet băng rộng |
| Số lao động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông |
| Số doanh nghiệp công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông |
| Giá trị xuất khẩu sản phẩm phần cứng, điện tử - viễn thông |
| Tổng số chứng thư số đang hoạt động |
| Tỷ lệ người dân biết kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông |
| Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến |
| Số lượng dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến |
| Mức hưởng thụ báo chí bình quân |
| Số lượng truy cập (page-view) báo chí điện tử |
| Tỷ lệ người Việt Nam tham gia mạng xã hội |
| Số lượng đài truyền thanh cấp xã |
| Tỷ lệ phủ sóng/hộ gia đình của đài truyền thanh cấp xã |